

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2021/HS-ST
Ngày: 29 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hảo;
2. Bà Bùi Thị Phương Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2021/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Pg, sinh ngày 11/01/1991, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 04, khóm 8, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991 (đã ly hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người cuối cùng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 19/7/2021, đến ngày 23/7/2021 chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Phúc D, sinh năm 1955, nơi cư trú: Khóm K, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 09, khóm Q, phường Cp, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thảo My, sinh năm 1997, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 19/7/2021, tại chốt kiểm soát phòng, chống dịch covid-19, đường Tân Lộ Kiều Lương, tổ 13, khóm Q, phường Cp, thành phố X, lực lượng phối hợp Công an thành phố X và Công an phường Cp tiến hành dừng xe mô tô biển kiểm soát 67F2-4516 do Nguyễn Hoàng Pg điều khiển, phát hiện, bắt quả tang Pg có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 01 túi nhựa trong suốt, một đầu có rãnh khóa viền đỏ, chứa tinh thể màu trắng. Pg khai ma túy đá mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) tại khu vực khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố X, giá 1.200.000 đồng, cất giấu để sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nhựa trong suốt, đầu có rãnh khóa viền đỏ, chứa tinh thể màu trắng; 01 xe mô tô, nhãn hiệu Magic, biển số 67F2 – 4516, kèm giấy chứng nhận đăng kí xe tên Nguyễn Phúc D.

Căn cứ Kết luận giám định số: 184/KLGT-PC09 (MT) ngày 27/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh An Giang xác định: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 2,4714 gam.

Ngày 23/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Hoàng Pg.

Cáo trạng số 120/CT-VKS ngày 01/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Pg về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Nguyễn Hoàng Pg khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị T có lời khai như trong giai đoạn điều tra, xe mô tô biển kiểm soát 67F2-4516 của bà T mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên, không biết bị cáo dùng xe để mua ma túy nên có yêu cầu được nhận lại xe.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Pg 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ, giao trả xe mô tô biển kiểm soát 67F2-4516 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà T.

Đối với người thanh niên (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho Pg, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Trường hợp bị cáo có hành vi ra đường trong trường hợp không thật sự cần thiết vào thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố X; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố X; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Phúc D và người làm chứng Trần Thảo My đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, ông D, bà My đã có lời khai trong giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D, bà My theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

[3] Về hành vi phạm tội: bị cáo Pg khai nhận, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/7/2021, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 67F2 – 4516, đến khu vực cổng sau Miếu Bà Chúa xứ Núi Sam, hỏi mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) 01 bọc ma túy đá được đựng trong bọc nylon trong suốt, một đầu có rãnh khóa, viền màu đỏ, giá 1.200.000 đồng, cất giấu trong túi quần phía trước, bên trái, để dành sử dụng. Trên đường về nhà, đến chốt kiểm soát, bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật. Ngoài ra, bị cáo còn khai, trước khi bị bắt, vào ngày 12/7/2021, có mua ma túy đá của người thanh niên này giá 400.000 đồng, để sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có cơ sở xác định, bị cáo đã có hành vi cất giấu trái pháp luật chất ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 2,4714 gam.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi cất giấu trái phép 2,4714 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng, với lỗi cố ý, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy nên đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, ma túy là chất gây nghiện, là mầm mống làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác nên Nhà nước độc quyền quản lý, đồng thời nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt, sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn gây tác động xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cai nghiện, cải tạo tốt, trở thành công dân có ích và đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ là vật cấm lưu hành, xét tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 67F2 – 4516, quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai bà T về việc bà T không biết bị cáo sử dụng xe để đi mua ma túy. Do đó, xét giao trả xe mô tô biển kiểm soát 67F2 – 4516 cùng giấy đăng ký xe lại cho bà T.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với người thanh niên bán ma túy cho bị cáo, do không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau là đúng quy định pháp luật.

- Đối với hành vi bị cáo ra đường trong trường hợp không thật sự cần thiết vào thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTG của Thủ tướng Chính phủ, Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị chính quyền địa phương xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Hoàng Pg phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoàng Pg: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 19/7/2021 (ngày mười chín, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm hai mươi một).

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì được niêm phong, ghi vụ số 184/KLGT-PC09 (MT) ngày 22/7/2021, có đóng dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Điều tra Công an thành phố X và các chữ ký ghi tên Nguyễn Đăng Khoa, Nguyễn Văn Ấy, cùng lượng ma túy bên trong.

- Giao trả cho bà Nguyễn Thị T: 01 xe mô tô màu đen, nhãn hiệu Magic, biển kiểm soát 67F2 – 4516, số khung 609948, số máy GT609948, xe đã qua sử

dụng, yên xe bị rách, áo xe bị bể, xe không bửng; cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô số A0064246, biển kiểm soát 67F2 – 4516 mang tên Nguyễn Phúc D.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố X).

3. Căn cứ các Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Pg phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông D là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi. hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam